

Dự thảo

Hà Nội, ngày .....tháng 4 năm 2019.

**NGHỊ QUYẾT**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ban hành ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày ..../4/2019,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua các nội dung:**

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2018 và triển khai kế hoạch năm 2019:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018.

STT	Các chỉ tiêu (hợp nhất)	Đơn vị	KH 2018	TH 2018	
				Giá trị	%so KH
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	850,00	1261,33	148%
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	32,00	35,03	109%
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	32,00	34,72	109%
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	8,72	9,05	104%

3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018:

- Báo cáo tài chính của Công ty mẹ năm 2018.

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018.

5. Phương án phân phối lợi nhuận 2018, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019.



**5.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:**

STT	Nội dung	Tỷ lệ phân phối	Số tiền (đồng)
I	Vốn góp của chủ sở hữu (MS 411)		386.386.000.000
II	Lợi nhuận sau thuế (MS 61) - BCTC HN		34.092.635.174
III	Trích lập các quỹ và chia cổ tức		31.479.062.572
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	= II x 10%	3.409.263.517
2	Quỹ thưởng Ban điều hành	= II x 3%	1.022.779.055
3	Chia cổ tức	= I x 7%	27.047.020.000
3.1	Cổ tức đã tạm ứng bằng tiền mặt	= I x 3,5%	13.523.510.000
3.2	Cổ tức còn lại	= I x 3,5%	13.523.510.000
III	Lợi nhuận sau thuế để lại chưa phân phối		2.613.572.602

**5.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019:**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST) (Theo kế hoạch SXKD năm 2019)	Tỷ đồng	38,74
2	Trích lập các quỹ và chia cổ tức		
2.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	% x LNST	10%
2.2	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	% x LNST	3%
2.3	Kế hoạch chia cổ tức năm 2019	% x VDL	8%

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định lựa chọn thời gian và địa điểm chi trả cổ tức phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và lợi ích của cổ đông.

**6. Danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019:**

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – CN Hà Nội.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Đơn vị kiểm toán trong danh sách nêu trên đáp ứng yêu cầu.

7. Quyết toán tiền lương/thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và phương án chi trả tiền lương/thù lao HĐQT, BKS năm 2019.

7.1. Quyết toán tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018:

- Tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT được chi trả lương theo Quy chế trả lương và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty: 2.313.732.984 đồng (Hai tỷ ba trăm mười ba triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn chín trăm tám mươi tư đồng).

+ Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: 72.000.000 đồng (3.000.000 đ/người/tháng).

- Tiền lương/thù lao của Ban kiểm soát:

+ Trưởng Ban kiểm soát được chi trả lương theo Quy chế trả lương và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty: 607.329.338 đồng (Sáu trăm linh bảy triệu ba trăm hai mươi chín nghìn ba trăm ba mươi tám đồng)..

+ Ủy viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 48.000.000 đồng (2.000.000đ/người/tháng).

7.2. Phương án chi trả tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019:

- Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT; Trưởng Ban kiểm soát và Ủy viên Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương theo Quy chế trả lương và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ủy viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm:

+ Thù lao của Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: 3.000.000 đ/người/tháng.

+ Thù lao của Ủy viên BKS kiêm nhiệm: 2.000.000 đ/người/tháng.

8. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2019
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.200,00
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	<i>Ni</i>	<i>940,00</i>

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2019
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	38,92
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	<i>Nt</i>	<i>38,02</i>
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	38,74
	<i>Trong đó: Công ty mẹ</i>	<i>Nt</i>	<i>38,02</i>
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	6,53
5	Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, Đầu tư MSTTB	Nt	12,88
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	8%

**Điều 2.** Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí giao cho Hội đồng quản trị căn cứ vào các nội dung trên triển khai thực hiện theo đúng các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí thông qua toàn văn tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết tán thành .....% tổng số cổ phần hiện diện có quyền biểu quyết tại Đại hội và có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông PVMACHINO;
- Thành viên HĐQT; BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**Phạm Văn Hiệp**